

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Hồng Nga

Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 910/2020/HNGĐ-ST ngày 20/10/2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1984. Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi. Tạm trú: Số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2020; bản tự khai ngày 11/01/2021, đơn trình bày ngày 19/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Quảng

Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyền số 01/2011, ngày 23/6/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, không đưa tiền để vợ lo cho con, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm nhau, bà N không còn tình cảm với ông T. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà N khởi kiện ly hôn ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 22/12/2011, hiện đang sống cùng với bà N, do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Văn T cụ thể: Ngày 18/11/2020 Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 948/TB-TLVA, ngày 05/11/2020; giấy triệu tập ngày 16/11/2020, kèm theo đơn khởi kiện, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh; và ngày 25/12/2020 Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 948/TB-TA ngày 24/12/2020, giấy triệu tập ngày 24/12/2020, Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 50/TB-TA ngày 24/12/2020. Tuy nhiên, ông T vẫn không có ý kiến gửi Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Quá trình sống chung, bà N và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Về phía bị đơn ông T, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ tạm trú của ông T thì ông T vẫn còn tạm trú tại địa chỉ số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương và Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T nhưng ông T vẫn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N. Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 22/12/2011, là bé gái, mới hơn 09 tuổi, hiện đang sống

cùng với bà N, do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cháu N cho bà N được quyền chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Kim N khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với ông Nguyễn Văn T. Bà N và ông T có địa chỉ tạm trú tại số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bà N cung cấp địa chỉ tạm trú của ông T tại địa chỉ số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương. Tại đơn trình bày ngày 19/02/2021, bà N trình bày là *“ông T làm nghề lái xe, thường xuyên đi tỉnh, cư trú không ổn định nên bà N không xác định hiện nay ông T đang ở đâu. Ông T vẫn còn đang tạm trú tại địa chỉ số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương”*. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ tạm trú nêu trên của ông T thì được Công an phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 16/11/2021 là *“Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 có cư trú tại số N, khu phố M, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương và còn đang sinh sống tại địa chỉ trên”*. Tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt; bà N có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyền số 01/2011, ngày 23/6/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, không đưa tiền để vợ lo cho con, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm nhau, bà N không còn tình cảm với ông T. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà N khởi kiện ly hôn ông T. Về phía bị đơn ông T, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Văn T cụ thể: *Ngày 18/11/2020 Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 948/TB-TLVA, ngày 05/11/2020; giấy triệu tập ngày 16/11/2020, kèm theo đơn khởi kiện, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh; và ngày 25/12/2020 Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 948/TB-TA ngày*

24/12/2020, giấy triệu tập ngày 24/12/2020, Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 50/TB-TA ngày 24/12/2020... nhưng ông T vẫn không có ý kiến gửi Tòa án. Xét, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N thấy rằng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng quy định “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”; bà N xác định không còn tình cảm với ông T và không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, vì quyền lợi của hai bên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 22/12/2011, hiện đang sống cùng với bà N, do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà N thấy rằng: Bà N làm công nhân với mức lương trung bình hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng/tháng, ông T làm nghề lái xe với mức lương trung bình hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng/tháng, cả hai đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu N. Tuy nhiên, cháu N sinh ngày 22/12/2011, là bé gái, mới hơn 09 tuổi, hiện đang sống với bà N, do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, cho ăn học, phát triển tốt. Tại bản tự khai, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ bà N. Do đó, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu nên cần giao cháu N cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim N đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim N được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kim N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 22/12/2011. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Văn T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Huỳnh Thị Kim N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Văn T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Kim N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048896, ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân